

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 19 - 7 - 2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thạch Ân
- Ông Dương Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ X, sinh năm 1982 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh D, sinh năm 1974 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Huỳnh Thị Mỹ X có đơn xin giải quyết vắng mặt và có lời khai như sau:

Bà và ông Bùi Thanh D chung sống với nhau vào năm 1998 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng do thời gian đã lâu,

giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc nên bà không thể cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án.

Lúc đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường X cự cãi, sống không hạnh phúc, bà và ông Bùi Thanh D đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Trong quá trình chung sống giữa bà và ông Bùi Thanh D có một người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Nay xét thấy quan hệ vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh D.

Về con chung: Người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Bùi Thanh D có đơn xin giải quyết vắng mặt và có lời khai như sau:

Ông và bà Huỳnh Thị Mỹ X chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, nhưng giấy chứng nhận kết hôn đã không còn nên ông không giao nộp giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa án được.

Trong quá trình chung sống giữa ông và bà Huỳnh Thị Mỹ X có một người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ông đã không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà X.

Về con chung: Người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà X, bị đơn ông D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bà X, ông D.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên cho rằng giữa bà Huỳnh Thị Mỹ X và ông Bùi Thanh D chung sống với nhau vào năm 1998, UBND xã Thông Hòa xác nhận là bà X ông D không có đăng ký kết hôn và tại phiên tòa hôm nay bà X và ông D cũng không có giấy tờ gì chứng minh là giữa hai người có đăng ký kết hôn; nay bà X cương quyết ly hôn và ông D cũng thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà X và ông D là vợ chồng. Về con chung, Người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà X, ông D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác cho các đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà X và bị đơn ông D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà X, ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông D cho rằng ông bà chung sống với nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T3, nhưng UBND xã T3 xác nhận là qua kết quả kiểm tra sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND xã T3 thì ông bà không có đăng ký kết hôn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông bà cũng không có giấy tờ gì chứng minh là giữa ông bà có đăng ký kết hôn với nhau; bà X cương quyết ly hôn và ông D cũng thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận bà X và ông D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà X và ông D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà X và ông D thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Mỹ X phải chịu toàn bộ án phí với số tiền là 300.000 đồng. Ông Bùi Thanh D không phải chịu án phí.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không công nhận bà Huỳnh Thị Mỹ X và ông Bùi Thanh D là vợ chồng.

Về con chung: Người con chung Bùi Thị Mỹ H, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ X với ông Bùi Thanh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ X với ông Bùi Thanh D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Mỹ X phải chịu toàn bộ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0007922 ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Kè. Bà Huỳnh Thị Mỹ X đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai

HỘI THĂM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

Phạm Thị Mỹ Ai